

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II;

Căn cứ Chỉ thị số 04/2008/CT-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện các Chương trình giảm nghèo,

Bộ Tư pháp hướng dẫn việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 (sau đây gọi chung là các Chương trình giảm nghèo) như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo, bao gồm: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, các nguyên tắc thực hiện; các hoạt động để thực hiện; cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá và

báo cáo kết quả thực hiện; kinh phí bảo đảm thực hiện và tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo.

2. Mục tiêu

a) Bảo đảm 98% người nghèo, 95% người thuộc diện được trợ giúp pháp lý cư trú ở các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu và thôn, buôn, làng, bản, xóm, ấp (gọi tắt là thôn, bản) đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II có nhu cầu trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý miễn phí.

b) Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền được trợ giúp pháp lý của người nghèo, hộ nghèo, người cư trú ở các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi thông qua các hình thức: tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, hòa giải và các hình thức trợ giúp pháp lý khác, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

3. Đối tượng thụ hưởng

a) Đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình 135 giai đoạn II là các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II và người được trợ giúp pháp lý đang sinh sống ở các xã, thôn, bản nói trên.

b) Đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 là người nghèo, hộ nghèo và các xã nghèo (ngoài các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II).

4. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo phải bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, đúng tiến độ, kế hoạch.

b) Thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá, quản lý, giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo một cách chặt chẽ và thường xuyên.

c) Có sự lồng ghép, phối hợp với các chính sách, dự án, hoạt động khác của các Chương trình giảm nghèo trên cùng địa bàn để bảo đảm thực hiện các Chương trình giảm nghèo tiết kiệm, hiệu quả.

d) Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo được bảo đảm từ nhiều nguồn vốn nhưng dự toán và các khoản chi từ mỗi nguồn là độc lập và không trùng lặp.

đ) Các mức chi được thực hiện theo đúng chế độ chi tiêu tài chính đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo quy định pháp luật hiện hành, theo hướng dẫn quản lý, sử dụng ngân sách cấp cho các Chương trình giảm nghèo và theo hướng dẫn thực hiện dự án (nếu có).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO

Căn cứ vào kết quả tổng hợp danh sách các xã nghèo, hộ nghèo; xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II ở địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Trung tâm) thực hiện công việc sau đây:

1. Khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý

Trung tâm phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan khảo sát về nhu cầu trợ giúp pháp lý của nhân dân ở địa phương với các nội dung sau:

a) Tổng số người thuộc diện được trợ giúp pháp lý trên tổng số người sinh sống tại địa phương (có phân chia theo từng diện đối tượng cụ thể, xác định rõ tỉ lệ và dự báo tỉ lệ này trong những năm tiếp theo cho đến năm 2010);

b) Số người đã biết về trợ giúp pháp lý trên tổng số người đang thường xuyên sinh sống tại địa phương (dự đoán tỉ lệ);

c) Số người có nhu cầu trợ giúp pháp lý trên tổng số người thuộc diện được trợ giúp pháp lý tại địa phương (dự đoán tỉ lệ);

d) Lĩnh vực pháp luật có nhiều nhu cầu trợ giúp pháp lý (trên cơ sở đánh giá, khảo sát thực trạng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng, thực trạng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và nhu cầu hiểu biết pháp luật của người được trợ giúp pháp lý ở địa phương).

Kết quả khảo sát phải xác định mức chính xác tối đa về nhu cầu trợ giúp pháp lý và được tổng hợp, lập thành báo cáo, làm cơ sở xây dựng và triển khai Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo phù hợp với điều kiện đặc điểm của địa phương.

2. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện

Căn cứ vào số lượng xã nghèo, hộ nghèo; xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và nhu cầu được trợ giúp pháp lý của họ, các Trung tâm cần xây dựng Kế hoạch thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo, bao gồm:

a) Kế hoạch tổng thể (giai đoạn 2008 - 2010) và Kế hoạch hàng năm triển khai chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình 135 giai đoạn II;

b) Kế hoạch tổng thể (giai đoạn 2008 - 2010) và Kế hoạch hàng năm triển khai chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010.

Nội dung của các Kế hoạch phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động, tiến độ triển khai thực hiện, kinh phí bảo đảm thực hiện, chế độ thống kê, báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện và tổ chức thực hiện.

3. Thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ

Căn cứ vào danh sách các xã nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II ở địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thuộc các Chương trình giảm nghèo, Sở Tư pháp chỉ đạo Trung tâm phối hợp với các cơ quan có liên quan ở cấp huyện hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thuộc các Chương trình giảm nghèo thành lập Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và hướng dẫn hoạt động theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và Quyết định số 03/2008/QĐ-BTP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

4. Triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý

a) Thụ lý và tổ chức thực hiện dứt điểm, kịp thời, hiệu quả và có chất lượng đối với các vụ việc trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý sinh sống ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu và thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II thuộc các Chương trình giảm nghèo khi họ có yêu cầu.

b) Tổ chức tập huấn cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho cộng tác viên trợ giúp pháp lý, thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và hướng dẫn sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;

c) Tổ chức các đợt trợ giúp pháp lý lưu động đến các xã, thôn, bản thuộc các Chương trình giảm nghèo, bảo đảm mỗi năm, mỗi xã được hưởng ít nhất 01 đợt trợ giúp pháp lý lưu động. Đối với các xã phát sinh nhiều nhu cầu trợ giúp pháp lý, là điểm nóng về khiếu kiện, Trung tâm tổ chức nhiều đợt trợ giúp pháp lý lưu động theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương;

d) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về các quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nhất là các quy định liên quan đến chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người dân tại các xã, thôn, bản thuộc diện được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý của các Chương trình giảm nghèo thông qua các hình thức phù hợp với địa bàn như sau:

- Biên soạn, in ấn, phát hành miễn phí các tờ gấp pháp luật; cung cấp thông tin pháp luật cho các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;

- Soạn thảo nội dung các quy định của pháp luật, thu băng và sao băng cassette (băng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc) để phát trên loa truyền thanh của các xã;

- Đặt biển thông tin về trợ giúp pháp lý tại nơi có nhiều người dân qua lại ở xã như các nhà văn hóa thôn, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã...

III. KINH PHÍ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình 135 giai đoạn II bao gồm:

a) Kinh phí từ ngân sách trung ương của Chương trình 135 giai đoạn II hỗ trợ trực tiếp cho các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II với mức 2 triệu đồng/năm/xã; 0,5 triệu đồng/năm/thôn, bản để tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

b) Kinh phí từ ngân sách địa phương hỗ trợ cho Trung tâm để thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động và thực hiện truyền thông, cung cấp tài liệu và thông tin pháp luật cho người nghèo.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương của Chương trình 135 giai đoạn II được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-UBDT ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ các dịch vụ cải thiện nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Luật Ngân sách nhà nước, các hướng dẫn thực hiện chi tiêu tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

c) Kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam, các Dự án hợp tác quốc tế và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam, Dự án hợp tác quốc tế và các nguồn kinh phí khác được thực hiện theo hướng dẫn của các nguồn kinh phí hỗ trợ đó.

2. Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 bao gồm:

a) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 để tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở các xã nghèo có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên với với 2 triệu đồng/năm/xã và triển khai các hoạt động trợ giúp pháp lý quy định tại các điểm b, c, d mục 4 Phần II Thông tư này.

Ở những địa phương được ngân sách trung ương hỗ trợ nhưng không đủ chi cho các hoạt động quy định tại Phần II Thông tư này hoặc ở địa phương có tỷ lệ hộ nghèo thấp, không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương thì Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan lập dự toán kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương.

b) Kinh phí từ ngân sách địa phương cấp hàng năm cho hoạt động của Trung tâm và kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý từ nguồn kinh phí bằng 1% trong tổng chi ngân sách hàng năm của địa phương dành cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và hướng dẫn của Luật Ngân sách nhà nước, các hướng dẫn thực hiện chi tiêu tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

c) Kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam, từ các Dự án hợp tác quốc tế và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam, Dự án hợp tác quốc tế và các nguồn kinh phí khác được thực hiện theo hướng dẫn của các nguồn kinh phí hỗ trợ đó.

IV. CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý các Chương trình giảm nghèo

a) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ở Trung ương thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai và kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo trong phạm vi toàn quốc. Cục Trợ giúp pháp lý giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc thực

hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo.

b) Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan ở địa phương thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai và kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở địa phương.

2. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo

a) Căn cứ vào mục tiêu, nội dung hoạt động và Kế hoạch hàng năm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo, các đơn vị có thẩm quyền lập kế hoạch kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Kế hoạch kiểm tra, giám sát bao gồm: nội dung, thời gian, thành phần tham gia, địa phương và kinh phí để bảo đảm thực hiện kiểm tra, giám sát.

b) Việc tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo theo Kế hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất.

c) Sau mỗi đợt kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo, đơn vị thực hiện phải có báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở địa phương.

3. Báo cáo kết quả thực hiện

a) Các đơn vị được cấp kinh phí và các đơn vị quản lý việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo có trách nhiệm xây dựng báo cáo và gửi các cơ quan có thẩm quyền. Báo cáo thường xuyên, bao gồm báo cáo 6 tháng và báo cáo 01 năm; báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng và gửi báo cáo cho Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình giảm nghèo của Chính phủ trong thời hạn như sau:

- + Đối với báo cáo 6 tháng: trước ngày 20 tháng 7 hàng năm;
- + Đối với báo cáo 01 năm: trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước xây dựng báo cáo và gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp trong thời hạn như sau:

- + Đối với báo cáo 6 tháng: trước ngày 05 tháng 7 hàng năm;
- + Đối với báo cáo 01 năm: trước ngày 05 tháng 11 hàng năm.

- Trách nhiệm và thời hạn gửi báo cáo của các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình giảm nghèo cho các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương được thực hiện theo quy định của từng địa

phương. Đối với báo cáo đột xuất, trách nhiệm xây dựng báo cáo và thời hạn gửi báo cáo được thực hiện theo Công văn yêu cầu báo cáo đột xuất.

c) Nội dung báo cáo

Đối với báo cáo thường xuyên phải bảo đảm các nội dung sau:

- Kết quả thực hiện các hoạt động quy định tại Phần II Thông tư này;
- Đánh giá những mặt đã làm được và những mặt chưa làm được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế;
- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương cho chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo;
- Các đề xuất, kiến nghị, giải pháp để hoàn thành mục tiêu đã đề ra;
- Ước thực hiện kết quả so với cả năm và phương hướng thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong 6 tháng cuối năm (đối với báo cáo 6 tháng); phương hướng hoạt động của năm tiếp theo (đối với báo cáo 01 năm).

Báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình 135 giai đoạn II được thực hiện theo Mẫu số 01-TP-TGPL-CTGN ban hành kèm theo Thông tư này; Báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được thực hiện theo Mẫu số 02-TP-TGPL-CTGN;

Đối với các báo cáo đột xuất, nội dung của báo cáo được thực hiện theo đúng nội dung tại Công văn yêu cầu báo cáo của cơ quan có thẩm quyền.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm trong việc quản lý, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo.

Cục Trợ giúp pháp lý giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý và hướng dẫn việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng Kế hoạch tổng thể, Kế hoạch hàng năm và tổng hợp dự toán kinh phí triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo để trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản đó;

c) Hướng dẫn và trực tiếp theo dõi việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo trong toàn quốc;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc các Bộ, ngành liên quan trong việc thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý, bảo đảm hoàn thành mục tiêu của các Chương trình giảm nghèo;

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở các địa phương báo cáo Bộ trưởng xem xét quyết định và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở địa phương.

b) Phê duyệt Kế hoạch thực hiện, quyết định phân bổ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo theo quy định tại điểm a, Mục 3 phần VI, Điều 1 của Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 và khoản 2 Điều 3 Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn kinh phí tối thiểu bằng 1% tổng chi ngân sách hàng năm của địa phương để thực hiện các Chương trình giảm nghèo.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ban, ngành tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở địa phương, có trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham mưu xây dựng Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở địa phương để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Chỉ đạo Trung tâm triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo và theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

c) Chỉ đạo Trung tâm hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, lập dự toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;

d) Tổng hợp và báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo về Bộ Tư pháp và các cơ quan có thẩm

quyền theo đúng thời hạn quy định tại các Chương trình giảm nghèo và văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Trách nhiệm của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước

Trung tâm có trách nhiệm trực tiếp triển khai chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo tại địa phương, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo; lập dự toán kinh phí để Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch đó sau khi đã được phê duyệt;

b) Trực tiếp tiếp nhận quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cấp cho việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý quy định tại Phần II Thông tư này có hiệu quả và chất lượng;

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, lập dự toán kinh phí để triển khai thực hiện; theo dõi, hướng dẫn sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và hỗ trợ tài liệu pháp luật cho các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;

đ) Tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp về kết quả triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo để Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Chương trình giảm nghèo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong các Chương trình giảm nghèo ở địa phương; tiếp nhận kinh phí cấp cho hoạt động của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

6. Trách nhiệm của Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý có nhiệm vụ tiếp nhận kinh phí hoạt động của các Chương trình giảm nghèo phục vụ tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; thực hiện chi theo đúng quy định của các Chương trình giảm nghèo; được Trung tâm hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ tài liệu pháp luật; có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả hoạt động Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý cho Trung tâm để tổng hợp báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

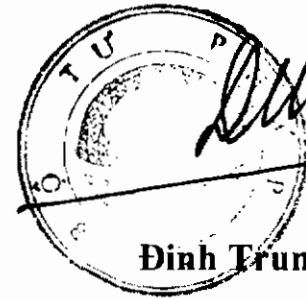
Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phản ánh về Bộ Tư pháp để xem xét hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *ĐTT*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TƯ Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTU về phòng chống tham nhũng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTU Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- STP, Trung tâm TGPL nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, Cục TGPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đinh Trung Tụng

SỞ TƯ PHÁP TỈNH (THÀNH PHỐ).....
**TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
NHÀ NƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-TGPL

(Tỉnh/thành phố...), ngày ... tháng... năm 200..

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình 135 giai đoạn II
(6 tháng đầu năm 200.../năm 200...)**

I. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1. Khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý, rà soát, tổng hợp, xác định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã khu vực II ở địa phương, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách

2. Tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên và Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

- Số lớp tập huấn
- Số người tham gia, thành phần
- Nội dung
- Kết quả tập huấn

3. Thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

- Số lượng Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý/số xã thuộc diện được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý của Chương trình
- Kết quả sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý
- Các phương thức trợ giúp pháp lý khác (tổ chức sinh hoạt chuyên đề về các nội dung pháp luật, cung cấp tờ gấp pháp luật, tài liệu pháp luật...).

4. Tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động

- Số đợt trợ giúp pháp lý lưu động/số xã, thôn, bản thuộc diện đầu tư của Chương trình
- Kết quả trợ giúp pháp lý lưu động
- Trợ giúp pháp lý thông qua các hình thức khác (phổ biến văn bản mới, hoà giải, nói chuyện chuyên đề pháp luật, cung cấp tờ gấp pháp luật, tài liệu pháp luật, khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý...).

5. Cung cấp thông tin pháp lý

5.1. Đặt biển thông tin về trợ giúp pháp lý

- Số lượng biển đã đặt

- Địa điểm đặt biển
- Nội dung thông tin

5.2. Biên soạn, in ấn, phát hành tờ gấp pháp luật

- Số lượng tờ gấp pháp luật đã in ấn, phát hành
- Nội dung các loại tờ gấp pháp luật:

5.3. In, sao băng cattset

- Số lượng băng
- Nội dung các băng

6. Số liệu vụ việc (Tổng hợp số liệu vụ việc theo mẫu số 03-TP-TGPL-CTGN)

II. Tình hình sử dụng kinh phí

1. Tổng kinh phí ngân sách địa phương cấp cho Trung tâm thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình (theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tình hình sử dụng kinh phí được cấp:.....

2. Tình hình sử dụng kinh phí Chương trình 135 giai đoạn II (ngân sách trung ương cấp cho các Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý để sinh hoạt):

III. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

3. Đề xuất, kiến nghị

IV. Ước thực hiện cả năm, phương hướng hoạt động 6 tháng tiếp theo (đối với báo cáo 6 tháng), dự kiến hoạt động năm sau (đối với báo cáo 01 năm)

Nơi nhận:

-.....

-.....



GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

SỞ TƯ PHÁP TỈNH (THÀNH PHỐ)....
TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-TGPL

(Tỉnh/thành phố...), ngày ... tháng... năm 200..

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo (6 tháng đầu năm 200.../năm 200...)

I. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1. Khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý, rà soát, tổng hợp, xác định các xã nghèo, hộ nghèo ở địa phương, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách

2. Tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho Trợ giúp viên pháp lý, công tác viên trợ giúp pháp lý và Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

- Số lớp tập huấn
- Số người tham gia, thành phần
- Nội dung
- Kết quả tập huấn

3. Thành lập và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

- Số lượng Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý/số xã thuộc diện được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý của Chương trình
- Kết quả sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý
- Các phương thức trợ giúp pháp lý khác (tổ chức sinh hoạt chuyên đề về các nội dung pháp luật, cung cấp tờ gấp pháp luật, tài liệu pháp luật...).

4. Tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động

- Số đợt trợ giúp pháp lý lưu động/số xã nghèo thuộc diện đầu tư của Chương trình
- Kết quả trợ giúp pháp lý lưu động
- Trợ giúp pháp lý thông qua các hình thức khác (phổ biến văn bản mới, hoà giải, nói chuyện chuyên đề pháp luật, cung cấp tờ gấp pháp luật, tài liệu pháp luật, khảo sát nhu cầu trợ giúp pháp lý...).

5. Cung cấp thông tin pháp lý

5.1. Đặt biển thông tin về trợ giúp pháp lý

- Số lượng biển đã đặt

- Địa điểm đặt biển
- Nội dung thông tin

5.2. Biên soạn, in ấn, phát hành tờ gấp pháp luật

- Số lượng tờ gấp pháp luật đã in ấn, phát hành
- Nội dung các loại tờ gấp pháp luật

5.3. In, sao băng cattset

- Số lượng băng cattset
- Nội dung các băng

6. Số liệu vụ việc (Tổng hợp số liệu vụ việc theo mẫu số 04-TP-TGPL-CTGN)

II. Tình hình sử dụng kinh phí

1. Tổng kinh phí được cấp trong kỳ:.....

a) Tổng kinh phí từ ngân sách trung ương hỗ trợ:.....

b) Tổng kinh phí từ ngân sách địa phương hỗ trợ:.....

2. Kinh phí đã sử dụng trong kỳ

a) Kinh phí đã được cấp từ ngân sách trung ương của Chương trình đã sử dụng (nêu rõ chỉ cho các hoạt động nào).

b) Kinh phí được cấp từ ngân sách địa phương đã sử dụng (nêu rõ chỉ cho các hoạt động nào).

III. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

3. Đề xuất, kiến nghị

IV. Ước thực hiện cả năm, phương hướng hoạt động 6 tháng tiếp theo và lập dự toán xin kinh phí năm sau (đối với báo cáo 6 tháng), dự kiến hoạt động năm sau (đối với báo cáo 01 năm)

Nơi nhận:

-.....

-.....*lcc*

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục

Số liệu vụ việc trợ giúp pháp lý theo Chương trình 135 giai đoạn II

(kèm theo Báo cáo số: .../BC-TGPL ngày... tháng... năm... của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố.....)

Tổng số vụ việc được thực hiện	TS người được TGPL		Hình thức TGPL						Địa điểm					Lĩnh vực TGPL						
	N	DT	TV	TGTT		ĐDN	Khác		TT	CN	LĐ	CLB	HS	DS	HNGD	LD	HC	ĐĐ	UB	K
				ĐD	BC		HG	HC												

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích (từ trái sang phải)

1. Tổng số người được trợ giúp pháp lý

- N: nghèo
- DT: Dân tộc
- K: Khác

2. Hình thức trợ giúp pháp lý

- TV: Tư vấn
- TGTT: Tham gia tố tụng (ĐD: Đại diện, BC: bảo chữa)
- ĐDN: Đại diện ngoài tố tụng
- K: Khác (HG: Hoà giải, TTHC: Thực hiện các thủ tục hành chính, KN: Khiếu nại).

3. Địa điểm

- TT: Trung tâm
 - CN: Chi nhánh
 - LD: Lưu động
 - CLB: Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý
- 4. Lĩnh vực TGPL**
- HS: Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự.
 - DS: Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.
 - HN: Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em.
 - LD: Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm
 - HC: Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính.
 - ĐĐ: Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng.
 - UD: Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác.
 - K: Các lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Phụ lục

Số liệu vụ việc trợ giúp pháp lý theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

(kèm theo Báo cáo số: .../BC-TGPL ngày... tháng... năm... của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố.....)

Tổng số vụ việc được thực hiện	TS người được TGPL			Hình thức TGPL							Địa điểm					Lĩnh vực TGPL							
	N	DT	K	TV	TGTT		DDN		Khác			TT	CN	LD	CLB	HS	DS	HNGD	LD	HC	DD	UD	K
					DD	BC	TT	HG	HC	KN													

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích (từ trái sang phải)

1. Tổng số người được trợ giúp pháp lý

- N: nghèo
- DT: Dân tộc
- K: Khác

2. Hình thức trợ giúp pháp lý

- TV: Tư vấn;
- TGTT: Tham gia tố tụng (DD: Đại diện, BC: bảo chữa);
- DDNTT: Đại diện ngoài tố tụng;
- K: Khác (HG: Hoà giải, TTHC: Thực hiện các thủ tục hành chính, KN: Khiếu nại).

3. Địa điểm

- TT: Trung tâm;
- CN: Chi nhánh;
- LD: Lưu động; *LD*

4. Lĩnh vực TGPL

- CLB: Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;
- HS: Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự.
- DS: Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.
- HN: Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em.
- LD: Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm
- HC: Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính.
- DD: Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng.
- UD: Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác.
- K: Các lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.